



TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

ThS. Nguyễn Thị Vũ Hà
Bộ môn KTTG & QHKTQT, SOE, VNU



WTO

Giới thiệu chung về WTO

- Những nét khái quát
- Lược sử hình thành và phát triển
- Các thành viên
- Khung khổ pháp lý

Những đặc trưng cơ bản

- Mục tiêu hoạt động
- Các chức năng cơ bản
- Nguyên tắc hoạt động
- Cơ cấu tổ chức
- Cơ chế vận hành



Giới thiệu chung

- ❁ **WTO – World Trade Organization (Tổ chức thương mại thế giới) – là:**
 - ❁ **một tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu**
 - ❁ **một tổ chức quốc tế duy nhất quản lý luật lệ giữa các quốc gia trong hoạt động TMQT**
- ❁ **Mục đích: loại bỏ hay giảm thiểu các rào cản thương mại → tự do hóa thương mại**



Giới thiệu chung

Địa điểm:	Geneva, Thụy Sĩ
Thành lập:	01/01/1995
Được tạo ra từ:	Vòng đàm phán Uruguay (1986–1994)
Thành viên:	151 nước (7/2007) - 76 thành viên sáng lập - 75 thành viên tham gia
Ngân quỹ:	182 triệu francs Thụy Sĩ năm 2007
Số nhân viên:	625 (năm 2007)
Tổng giám đốc:	Pascal Lamy



Giới thiệu chung

❁ Chức năng:

- ❁ Quản lý các hiệp định thương mại của WTO
- ❁ Diễn đàn đàm phán thương mại
- ❁ Xử lý các tranh chấp thương mại
- ❁ Giám sát các chính sách thương mại quốc gia
- ❁ Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các nước đang phát triển
- ❁ Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác



Từ GATT đến WTO

..\..\WTO\WTO.ORG\gatttowto.rm



Lược sử hình thành và phát triển

Tư tưởng về tự do TM do WTO theo đuổi có xuất xứ từ lâu

- ❁ Năm 1945, tại Hội nghị Bretton Woods (Hoa Kỳ) cùng với sự ra đời của WB và IMF, đề xuất về một tổ chức quốc tế về thương mại (ITO) ra đời
- ❁ Tháng 3/1948, Hiến chương ITO được nhất trí tại Hội nghị của UN về TM và việc làm tại Habana (Cu Ba)
- ❁ Tuy nhiên, do không được tất cả quốc hội của các nước phê chuẩn → ITO, với tư cách là một tổ chức, đã không thể hình thành



Lược sử hình thành và phát triển

- ❁ **NHƯNG, tinh thần cơ bản của Hiến chương ITO vẫn tồn tại thông qua sự hình thành GATT**
 - ❁ **GATT ra đời 1/1/1948 với 23 nước tham gia thỏa thuận**
 - ❁ **GATT đóng vai trò là khung pháp lý chủ yếu của hệ thống TM đa phương trong gần 50 năm (đến hết năm 1994)**
 - ❁ **Các nước tham gia GATT đã tiến hành 8 vòng đàm phán, ký kết nhiều thỏa ước TM mới.**
 - ❁ **Tại vòng đàm phán thứ 8 ở Uruguay (1986-1994), các bên tham gia GATT đã nhất trí thành lập WTO thay cho GATT**
 - ❁ **Các nguyên tắc và các hiệp định của GATT được WTO kế thừa, quản lý và mở rộng**



Các vòng đàm phán của GATT

Năm	Địa điểm/Tên	Chủ đề đàm phán	Số nước	Kết quả
1947	Geneva	Thuế quan	23	-123 cuộc đàm phán ✪ Thiết lập 20 danh mục → 45000 ưu đãi thuế quan → trị giá TM khoảng 10 tỷ USD
1949	Annecy	Thuế quan	13	-Đàm phán với những thành viên chuẩn bị gia nhập GATT. -Trao đổi khoảng 5000 ưu đãi thuế quan
1951	Torquay	Thuế quan	38	-Trao đổi khoảng 8700 ưu đãi. -Giảm thuế quan của khoảng 25% trong 1848 mức đạt được
1956	Geneva	Thuế quan	26	-Trị giá của các ưu đãi thuế quan đạt khoảng 2,5 tỷ USD
1960-1961	Geneva (Dillon)	Thuế quan	26	-Trao đổi khoảng 4400 ưu đãi thuế quan -Trị giá thương mại là 4,9 tỷ USD



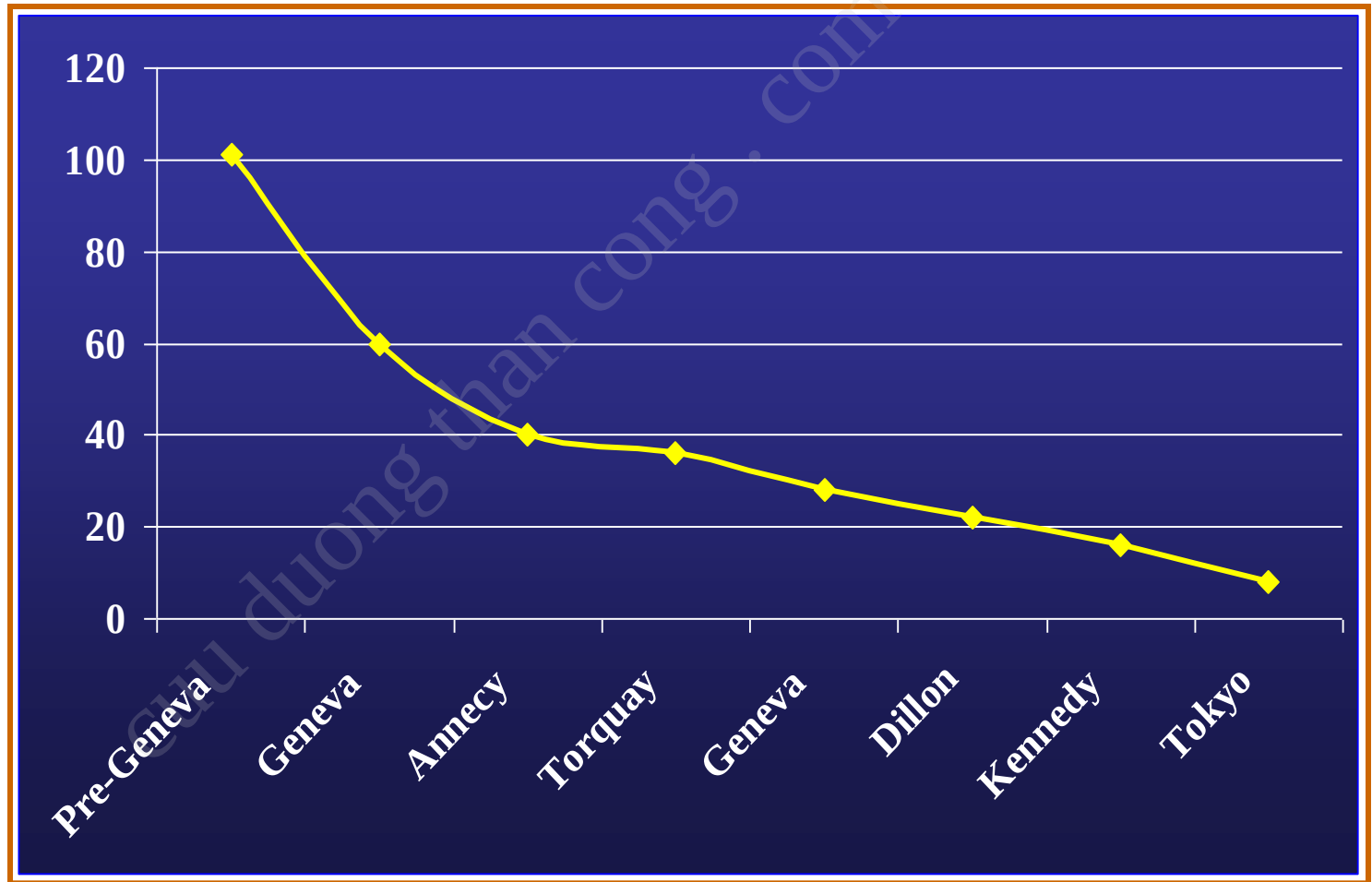
Các vòng đàm phán của GATT

Năm	Địa điểm/Tên	Chủ đề đàm phán	Số nước	Kết quả
1964-1967	Geneva (Kenedy)	Thuế quan và các biện pháp chống bán phá giá	62	-PP đàm phán truyền thống theo từng SP được bổ sung bằng việc thông qua PP cắt giảm thuế quan toàn diện đối với H CN. -Mục tiêu 50% cắt giảm ở các mức thuế đã đạt được ở nhiều lĩnh vực. -Các ưu đãi ước tính khoảng 40 tỷ US\$
1973-1979	Geneva (Tokyo)	Thuế quan, các biện pháp phi quan thuế, các hiệp định "khung"	102	-Trao đổi ưu đãi hơn 300 tỷ US\$ ✚ Giảm thuế suất bquan đối với H thuộc 9 TT CN chính từ 7% → 4,7%. ✚ Thoả thuận về ngắc đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước ĐPT. ✚ Thiết lập những "bộ luật" về trợ cấp và các biện pháp đối kháng, hàng rào kỹ thuật đối với TM, thủ tục giấy phép NK, mua sắm CP, định giá hải quan, thịt bò, các SP sữa, máy bay dân dụng và sửa đổi bộ luật về chống bán phá giá của GATT
1986-1994	Geneva (Uruguay)	Thuế quan, NTBs, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, hàng dệt, nông nghiệp...	123	-Những kết quả quan trọng trong các lĩnh vực đàm phán ✚ Thành lập WTO



Average Reduction in US Tariff Rates 1947-85

Index Pre-Geneva
Tariff = 100



GATT Negotiating Rounds



Những bất cập của GATT

- 1. Xuất hiện các loại hình bảo hộ phi quan thuế khác nhau; các thoả thuận song phương dần xếp thị trường, các hình thức hỗ trợ và trợ cấp mới**
- 2. GATT chủ yếu điều tiết TM H hữu hình trong khi đó, TMQT đã phát triển nhanh chóng, mở rộng sang cả các lĩnh vực thương mại dịch vụ cùng với các vấn đề thương mại trong đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại**
- 3. Trong một số lĩnh vực của thương mại hàng hoá, GATT còn có những lỗ hổng cần phải được cải thiện.**
- 4. Về mặt cơ cấu tổ chức và cơ chế giải quyết tranh chấp, GATT chỉ là một hiệp định, việc tham gia mang tính chất tùy ý.**



Từ GATT đến WTO

- ✿ **Từ 1986 → 1994 (UR), Hiệp định GATT và các hiệp định phụ trợ của nó đã được các nước thảo luận sửa đổi và cập nhật để thích ứng với đk thay đổi của môi trường TMTG.**
 - ✦ **Hiệp định GATT 1947, cùng với các quyết định đi kèm và một vài biên bản giải thích khác đã hợp thành GATT 1994.**
 - ✦ **Một số hiệp định riêng biệt cũng đạt được trong các lĩnh vực như Nông nghiệp, Dệt may, Trợ cấp, Tự vệ và các lĩnh vực khác;**
- ➔ **cùng với GATT 1994, tạo thành các yếu tố của các Hiệp định Thương mại đa phương về Thương mại Hàng hoá.**



Từ GATT đến WTO

- ❁ **Vòng đàm phán Uruguay cũng thông qua một loạt các quy định mới điều chỉnh thương mại Dịch vụ và Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến thương mại.**
- ❁ **Cuối Vòng đàm phán Uruguay, các nước đã cho ra Tuyên bố Marrakesh thành lập WTO**
- ❁ **WTO bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 1/1/1995**

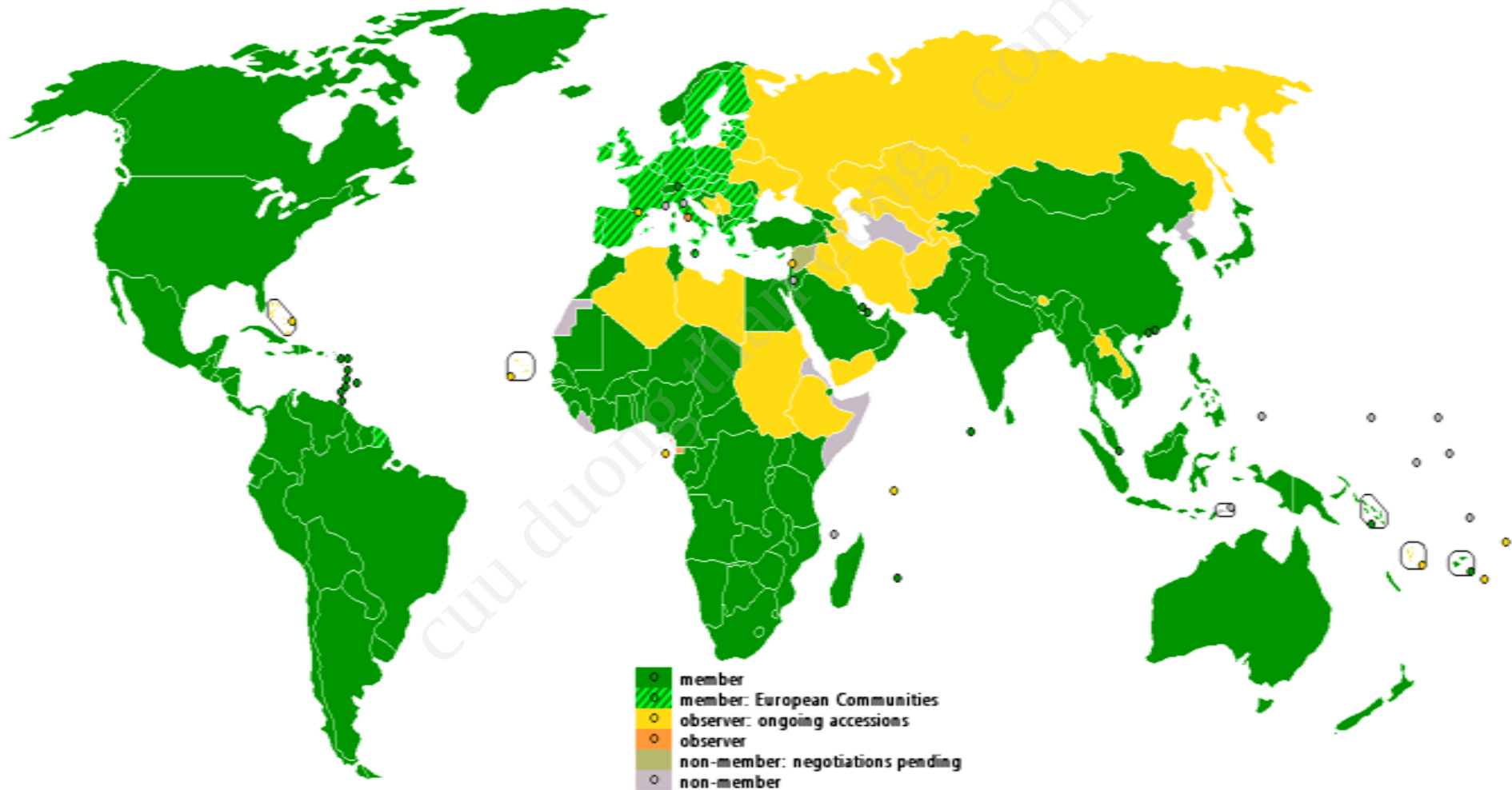


Các thành viên

- ❁ **Lúc thành lập: WTO có 76 thành viên sáng lập**
- ❁ **Đến nay, WTO đã kết nạp thêm 75 thành viên mới**
- ❁ **Việt Nam: thành viên mới nhất thứ 150, kết nạp ngày 7/11/2006**
 - ❁ **Thành viên thứ 150 đã được MC₆ của WTO thông qua (12/2005) là Vương quốc Toonga nhưng do vương quốc này vẫn chưa hoàn thành các thủ tục hành chính cần thiết nên nước này phải đợi đến 7/2007 mới thực sự trở thành thành viên đầy đủ**



Bản đồ thế giới các nước thành viên WTO





Khung khổ pháp lý

- ✿ **Định ước cuối cùng của UR là một văn kiện pháp lý có phạm vi điều chỉnh rộng nhất và có tính chất kỹ thuật pháp lý phức tạp nhất trong lịch sử ngoại giao và luật pháp quốc tế**
 - ✦ Interestingly, the ‘negotiated’ package of agreements was first put on the table by Arthur Dunkel, the then GATT Director-General, in late 1991 at a meeting of GATT Representatives in Geneva. This was the package negotiated and hammered out primarily between the largest GATT members
- ✿ **Các hiệp định được ký tại UR và các phụ lục kèm theo gồm 50,000 trang trong đó có 500 trang quy định về các nguyên tắc và nghĩa vụ của các thành viên**



Khung khổ pháp lý

- ❁ **Các hiệp định được ký tại UR quy định về các nguyên tắc và nghĩa vụ của các thành viên. Cụ thể:**
 - ❁ **Hiệp định thành lập WTO**
 - ❁ **20 Hiệp định đa phương về thương mại H**
 - ❁ **4 Hiệp định đa phương về thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, giám sát chính sách TM**
 - ❁ **4 hiệp định đa phương về hàng không dân dụng, mua sắm của chính phủ, sản phẩm sữa và sản phẩm thịt bò**
 - ❁ **23 tuyên bố và quyết định liên quan đến một số vấn đề chưa đạt được thỏa thuận trong UR**



Khung khổ pháp lý

Một số hiệp định quan trọng nhất của WTO

- ✪ **GATT 1994**
- ✪ **GATS**
- ✪ **Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, TRIPs**
- ✪ **Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, TRIMs**
- ✪ **Hiệp định về nông nghiệp, AoA**
- ✪ **Hiệp định về hàng dệt may, ATC**
- ✪ **Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật Cản trở TM (TBT)**



Một số hiệp định quan trọng nhất của WTO

- ✪ **Hiệp định về các Biện pháp Vệ sinh Dịch tễ (SPS)**
- ✪ **Hiệp định Chống Phá giá (Anti-dumping)**
- ✪ **Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp Đối kháng (SCM)**
- ✪ **Hiệp định về các Biện pháp Tự vệ (AoS)**
- ✪ **Hiệp định về Giấy phép Nhập khẩu (Import Licensing)**
- ✪ **Hiệp định Định giá Hải quan (ACV)**
- ✪ **Hiệp định về Giám định Hàng hoá trước khi xuống tàu (PSI)**
- ✪ **Hiệp định về Quy tắc Xuất xứ (Rules of Origin)**
- ✪ **Thỏa thuận về cơ chế giải quyết tranh chấp, DSU**



Những đặc trưng cơ bản

- ❖ **Mục tiêu hoạt động và các chức năng cơ bản**
- ❖ **Những nguyên tắc hoạt động**
- ❖ **Cơ cấu tổ chức**
- ❖ **Cơ chế vận hành**



Mục tiêu hoạt động

- ❖ Thúc đẩy tăng trưởng TM H và dịch vụ trên TG → phục vụ sự phát triển ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường
- ❖ Thúc đẩy sự phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các thành viên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế, bảo đảm cho các nước đang phát triển và đặc biệt là các nước kém phát triển nhất được thụ hưởng những lợi ích thực sự từ sự tăng trưởng của TMQT, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của các nước này và khuyến khích các nước này ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới
- ❖ Nâng cao mức sống, tạo công ăn việc làm cho người dân của các thành viên, bảo đảm các quyền và tiêu chuẩn lao động tối thiểu được tôn trọng



Các chức năng cơ bản

- ❖ **Quản lý các hiệp định thương mại của WTO:** thống nhất quản lý việc thực hiện các hiệp định và các thỏa thuận thương mại đa phương, giám sát, tạo thuận lợi cho các thành viên thực hiện các nghĩa vụ TMQT
- ❖ **Diễn đàn đàm phán thương mại:** thiết lập khuôn khổ thể chế để tiến hành các vòng đàm phán
- ❖ **Xử lý các tranh chấp thương mại:** hình thành cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các thành viên
- ❖ **Giám sát các chính sách thương mại quốc gia:** xây dựng cơ chế giám sát chính sách thương mại của các nước thành viên
- ❖ **Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các nước đang phát triển**
- ❖ **Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác như IMF, WB**



Nguyên tắc hoạt động

Các Hiệp định của WTO rất dài và phức tạp. Tuy nhiên, có một số nguyên tắc đơn giản và cơ bản làm kim chỉ nam của tất cả các lĩnh vực này, và trở thành nền tảng của hệ thống thương mại đa biên. Đó là:

- ❑ **Thương mại không phân biệt đối xử**
- ❑ **Tự do hoá TM từng bước và bằng con đường đàm phán**
- ❑ **Dễ dự đoán**
- ❑ **Thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng**
- ❑ **Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế**



Thương mại không phân biệt đối xử

Không một nước nào được có sự phân biệt đối xử giữa các đối tác thương mại của mình (nghĩa là phải dành cho họ một cách công bằng qui chế “đãi ngộ tối huệ quốc” hay còn gọi là qui chế MFN) cũng như không được phân biệt đối xử giữa hàng hoá, dịch vụ và người nước mình với hàng hoá, dịch vụ và người nước ngoài (nghĩa là phải giành cho họ qui chế “đãi ngộ quốc gia” - NT).



MFN & NT

MFN: đối xử bình đẳng với các nước khác

☛ **Ngtắc: các QG ko thể phân biệt đối xử với các đối tác TM của mình**

➔ **Là nguyên tắc qtrọng được qui định ngay tại điều đầu tiên của GATT**

Tuy nhiên, có một số trg hợp ngoại lệ miễn trừ được phép.

➔ **MFN có nghĩa là khi một nước giảm bớt hàng rào thuế quan hay mở cửa TT nước mình thì nước này phải dành sự đãi ngộ tương tự như vậy với cùng loại H và dịch vụ của tất cả các đối tác TM, cho dù đối tác đó giàu hay nghèo, mạnh hay yếu**

NT: đối xử bình đẳng giữa sp nc ngoài và sp nội địa

☛ **Hàng NK và hàng nội địa phải được đối xử bình đẳng, ngay sau khi hàng NK đã thâm nhập vào TT.**

☛ **Áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ, thương hiệu, bản quyền, bằng sáng chế nước ngoài cũng như trong nước.**

☛ **Được thể hiện trong cả ba Hiệp định chính của WTO**

Lưu ý: NT chỉ được áp dụng khi một sp, dịch vụ hay một yếu tố sở hữu trí tuệ đã gia nhập vào TT ➔ việc đánh thuế NK ko vi phạm vào ngtắc này ngay cả khi ko có một loại thuế tgdg nào đánh vào sp nội địa



MFN và NT

- ❁ **Lúc đầu chỉ được áp dụng trong TM H**
- ❁ **WTO ra đời → mở rộng cả sang TM dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến TM và các lĩnh vực khác**
- ❁ **Tuy vậy, mức độ áp dụng của quy tắc này trong các lĩnh vực là khác nhau.**
 - ❁ **Thương mại hàng hóa**
 - ❁ **Thương mại dịch vụ**
 - ❁ **Đầu tư**
 - ❁ **Sở hữu trí tuệ**



MFN và NT

Lĩnh vực	MFN & NT
TM hàng hoá	Được áp dụng tương đối toàn diện và triệt để
TM dịch vụ	được áp dụng với những lĩnh vực mà một thành viên đã cam kết mở cửa thị trường, với những lĩnh vực dịch vụ còn duy trì hạn chế thì việc dành MFN và NT tùy thuộc vào kết quả đàm phán các cam kết cụ thể
Đầu tư	WTO chưa có một hiệp định đầu tư đa biên, mới đạt được TRIMs, và MFN và NT chỉ giới hạn ở Hiệp định này. Tuy nhiên, trong luật pháp đầu tư nước ngoài của các nước, quy chế MFN và NT được áp dụng phổ biến và trên nhiều lĩnh vực
Sở hữu trí tuệ	Các dải ngọ quốc gia đã được thể chế hoá cụ thể và phổ biến trong các công ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ.



Tự do hoá TM

từng bước và bằng con đường đàm phán

- ❁ Từ khi GATT ra đời đã diễn ra 8 vòng đàm phán thương mại.
- ❁ Tự do hóa TM (mở cửa thị trường) có thể đem lại nhiều thuận lợi nhưng nó cũng đòi hỏi phải có một số điều chỉnh nhất định.
 - ➔ Các Hiệp định của WTO cho phép các QG thành viên từng bước thay đổi chính sách của mình, thông qua “lộ trình tự do hoá từng bước”
 - ➔ Các nước ĐPT thường được hưởng một thời hạn dài hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ



Dễ dự đoán

nhờ ràng buộc cam kết cùng chính sách minh bạch

- ❁ **Chính sách ổn định và minh bạch sẽ khuyến khích đầu tư, tạo việc làm; NTD cũng tận dụng được nhiều lợi thế nhờ tự do cạnh tranh**
- ❁ **WTO cụ thể hoá những nỗ lực của CP các QG thành viên nhằm tạo một môi trường TM ổn định và dễ dự đoán.**
 - ❑ **Đối với WTO, việc các quốc gia thành viên thoả thuận mở cửa thị trường hàng hoá hay dịch vụ đồng nghĩa với việc ràng buộc các cam kết. Trong lĩnh vực hàng hoá, ràng buộc cam kết thể hiện ở việc ấn định mức thuế suất tối đa.**



Dễ dự đoán

nhờ ràng buộc cam kết cùng chính sách minh bạch

- ❁ **Một nước có thể sửa đổi cam kết, nhưng chỉ sau khi đàm phán thành công với các đối tác TM của mình**
- ❁ **Việc thực hiện cam kết của các quốc gia thành viên WTO sau các cuộc đàm phán thương mại đa phương trong khuôn khổ UR đã mở rộng mức thuế ràng buộc.**
 - ❁ **Hiện nay, trong lĩnh vực nông nghiệp, tất cả hàng nông sản đều được áp dụng mức thuế ràng buộc → thị trường trở nên đảm bảo hơn rất nhiều đối với các bên đàm phán cũng như với các nhà đầu tư**



Dễ dự đoán

nhờ ràng buộc cam kết cùng chính sách minh bạch

- ❁ **WTO cũng đã rất nỗ lực trong việc sử dụng nhiều biện pháp khác nhằm tăng cường tính minh bạch và ổn định:**
 - ❁ **những Hiệp định của WTO yêu cầu chính phủ các quốc gia thành viên công bố trên phạm vi toàn quốc hoặc thông báo cho WTO những giải pháp và biện pháp được thông qua**
 - ❁ **việc thường xuyên giám sát chính sách thương mại của từng nước thành viên thông qua Cơ chế rà soát chính sách thương mại cũng là một biện pháp nhằm tăng cường tính minh bạch trên cả bình diện quốc gia lẫn bình diện thế giới.**



Vòng đàm phán Uruguay

đã làm tăng số lượng các ràng buộc

Tỷ lệ phần trăm thuế ràng buộc trước và sau các cuộc đàm phán từ năm 1986 đến năm 1994

	Trước	Sau
Các nước PT	78	99
Các nước ĐPT	21	73
Các nước chuyển đổi	73	98

(Đây là những dòng thuế được tính toán sao cho tỷ lệ phần trăm không bị ảnh hưởng bởi khối lượng và giá trị thương mại.)



Thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng

- ❖ WTO là một thể chế TM tự do nhưng điều này ko hoàn toàn chính xác → đây là một hệ thống những qui định nhằm đảm bảo cạnh tranh mở, bình đẳng và ko có sai phạm
- ❖ Những qui định liên quan đến nt không phân biệt đối xử nhằm mục tiêu đảm bảo những điều kiện TM bình đẳng, cũng như những qui định về việc bán phá giá và trợ cấp
- ❖ WTO cũng có rất nhiều Hiệp định khác nhằm tăng cường cạnh tranh bình đẳng, ví dụ trong lĩnh vực nông nghiệp, sở hữu trí tuệ và dịch vụ, hiệp định về TT công mở rộng các qui định về cạnh tranh đối với những TT có sự tham gia của hàng nghìn thực thể có tư cách “chính phủ” tồn tại trong nhiều QG



Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế

- ❖ **Hệ thống của WTO góp phần vào quá trình phát triển của các QG. Tuy nhiên, các nước ĐPT cần một thời hạn linh động hơn trong việc thực hiện các hiệp định của hệ thống**
- ❖ **Các nước ĐPT và các nước trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế chiếm hơn 3/4 số nước thành viên của WTO.**
- ❖ **Kết thúc UR, các nước ĐPT đã được động viên đảm đương phần lớn những nghĩa vụ thuộc phạm sự của các nước phát triển. Tuy nhiên, các Hiệp định cũng đề ra một số thời hạn cho phép các nước ĐPT, đặc biệt là các nước kém phát triển có thể thích nghi dần dần trong thời kỳ chuyển đổi.**
- ❖ **Chương trình phát triển Doha hiện nay rất quan tâm tới những vấn đề khó khăn mà các nước đang phát triển gặp phải trong quá trình thực hiện các hiệp định được ký kết tại Vòng đàm phán Uruguay.**



Cơ chế ra quyết định

- Hầu hết mọi quyết định của WTO đều được thông qua theo nguyên tắc *đồng thuận* (tại thời điểm thông qua quyết định không có một ý kiến phản đối nào được nêu ra)
- Tuy nhiên, có một số trường hợp WTO ra quyết định theo phương thức biểu quyết. Trong trường hợp này, mỗi nước có một phiếu, trừ Liên minh châu Âu có số phiếu bằng số thành viên của Liên minh.



Cơ chế ra quyết định

- ❑ Việc diễn giải một hiệp định cần được đa số 3/4 nước thành viên WTO thông qua;
- ❑ Việc miễn trừ một nghĩa vụ cho một nước thành viên cần có được đa số 3/4 tại Hội nghị Bộ trưởng;
- ❑ Quyết định sửa đổi nội dung các điều khoản hiệp định cần phải được tất cả hoặc 2/3 số nước thành viên chấp nhận, tùy theo tính chất của các điều khoản ấy (những sửa đổi chỉ được áp dụng cho các nước thành viên đã chấp nhận);
- ❑ Quyết định kết nạp thành viên mới cần được Hội nghị Bộ trưởng hoặc Đại Hội đồng thông qua với đa số 2/3.



Cơ cấu tổ chức

Tất cả các thành viên của WTO có thể tham gia vào tất cả các hội đồng, uỷ ban, tiểu ban... ngoại trừ Cơ quan phúc thẩm, các nhóm chuyên gia giải quyết tranh chấp, Cơ quan giám sát hàng dệt may và các uỷ ban và hội đồng được thành lập theo các hiệp định đa biên.



HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG

Cơ quan giải quyết tranh chấp

Cơ quan rà soát chính sách TM

Ủy ban Kháng nghị
Ban Hội thẩm

ĐẠI HỘI ĐỒNG

Các ủy ban

- TM và Môi trường
- TM và Phát triển

Tiểu ban về các nước chậm phát triển

- Các hiệp định về TM khu vực
- Các hạn chế về Cán cân thanh toán
- Ngân sách, Tài chính và Quản lý

Nhóm công tác về

- Gia nhập

Nhóm công tác về

- TM, nợ và tài chính
- TM và chuyển giao công nghệ
- Mối quan hệ giữa TM và đầu tư
- Tác động qua lại giữa TM và chính sách cạnh tranh
- Minh bạch mua sắm của chính phủ

Hội đồng TM hàng hóa

Các ủy ban

- Tiếp cận thị trường
- Nông nghiệp
- Các biện pháp kiểm dịch động thực vật
- Các rào cản kỹ thuật về TM
- Trợ cấp và các phương pháp đền bù
- Chống phá giá
- Định giá Hải quan
- Quy luật về nguồn gốc xuất xứ
- Giấy phép nhập khẩu
- Các phương pháp TM liên quan đến đầu tư
- Bảo vệ

Nhóm làm việc về

- Các doanh nghiệp TM Nhà nước

Các thỏa thuận đa biên

- Ủy ban Hiệp định về Công nghệ thông tin

Hội đồng về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến TM

Hội đồng TM dịch vụ

Các ủy ban

- TM trong các dịch vụ tài chính
- Các cam kết cụ thể

Nhóm làm việc

- Các quy định nội địa
- Các nguyên tắc của GATS

Các thỏa thuận đa biên

- Ủy ban TM về hàng không dân dụng
- Ủy ban mua sắm của CP

Chương trình phát triển Doha: TNC và các thể chế của nó

Ủy ban đàm phán TM

Các kỳ họp đặc biệt về

Hội đồng Dịch vụ/ Hội đồng TRIPs, Cơ quan giải quyết tranh chấp/ Ủy ban Nông nghiệp và *Tiểu ban về Bông*/ Ủy ban TM và Phát triển/ Ủy ban TM và Môi trường

Các nhóm đàm phán

Gia nhập Thị trường/ Các quy tắc/ Điều kiện thuận lợi TM

Chú giải sơ đồ

Báo cáo lên Đại hội đồng (hoặc cơ cấu trực thuộc Đại Hội đồng)

Báo cáo lên Cơ quan giải quyết tranh chấp

Các Ủy ban đa biên thông báo tới Đại hội đồng hoặc Hội đồng hàng hóa về các hoạt động của mình, ngay cả khi không phải tất cả các thành viên WTO đều tham gia ký kết các hiệp định đa biên này

Ủy ban về đàm phán thương mại báo cáo lên Đại Hội đồng

Đại Hội đồng cũng họp với tư cách là Cơ quan rà soát thương mại và Cơ quan giải quyết tranh chấp



Cơ cấu tổ chức

- ❁ **Cơ quan quyền lực cao nhất của WTO là Hội nghị Bộ trưởng (MC).**
 - ❁ MC họp ít nhất hai năm một lần. MC WTO lần I được tổ chức tại Singapore tháng 12/1996, lần II tại Geneva tháng 5/1998, MC lần III diễn ra tại Seattle, Mỹ từ ngày 30/11 đến ngày 3/12/1999, lần IV diễn ra tại Doha tháng 11/2001, lần V tại Cancun tháng 10/2003 và gần đây nhất là tại Hồng Kong năm 2005.
 - ❁ MC là cơ quan đưa ra quyết định đối với mọi vấn đề của bất kỳ hiệp định cụ thể nào. Thông thường, MC đưa ra các đường lối, chính sách chung để các cơ quan cấp dưới tiến hành triển khai.



Cơ cấu tổ chức

- ❁ Dưới Hội nghị Bộ trưởng là Đại Hội đồng (GC). Cơ quan này tiến hành các công việc hàng ngày của WTO trong thời gian giữa các Hội nghị Bộ trưởng, thông qua ba cơ quan chức năng là:
 - ❁ Đại Hội đồng (GC)
 - ❁ Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB)
 - ❁ Cơ quan Rà soát Chính sách Thương mại (TPRB)



Cơ cấu tổ chức

- **Dưới Đại Hội đồng, WTO có ba Hội đồng về ba lĩnh vực thương mại cụ thể là:**
 - **Hội đồng Thương mại Hàng hoá**
 - **Hội đồng Thương mại Dịch vụ**
 - **Hội đồng về Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại.**
- **Các hội đồng này có các cơ quan cấp dưới (các uỷ ban và các tiểu ban) để thực thi các công việc cụ thể trong từng lĩnh vực.**



Cơ cấu tổ chức

- ☀ **Tương đương với các Hội đồng này, WTO còn có một số uỷ ban, có phạm vi chức năng nhỏ hơn, nhưng cũng báo cáo trực tiếp lên GC. Đó là:**
 - **các Uỷ ban về Thương mại và Phát triển, Thương mại và Môi trường, Hiệp định Thương mại Khu vực, Hạn chế bảo vệ Cán cân Thanh toán, Uỷ ban về Ngân sách, Tài chính và Quản lý, và Tiểu ban về các nước Chậm phát triển.**
 - **các Nhóm công tác về Gia nhập, và Nhóm Công tác về Mối quan hệ giữa Đầu tư và Thương mại, về Tác động qua lại giữa Thương mại và Chính sách cạnh tranh, về Minh bạch hoá Mua sắm của Chính phủ.**
 - **hai uỷ ban về các hiệp định nhiều bên.**



Cơ cấu tổ chức

- ❁ **Một cơ quan quan trọng của WTO là Ban Thư ký WTO. Nhiệm vụ chính của Ban Thư ký là:**
 - ❁ **Hỗ trợ về kỹ thuật và quản lý cho các cơ quan chức năng của WTO (các hội đồng, uỷ ban, tiểu ban, nhóm đàm phán) trong việc đàm phán và thực thi các hiệp định; Trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước chậm phát triển;**
 - ❁ **Phân tích các chính sách thương mại và tình hình thương mại;**
 - ❁ **Giúp đỡ trong việc giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến việc diễn giải các quy định, luật lệ của WTO;**
 - ❁ **Xem xét vấn đề gia nhập của các nước và tư vấn cho họ.**



Cơ chế vận hành

- ✚ **Cơ chế giải quyết tranh chấp**
- ✚ **Cơ chế rà soát thương mại**



Cơ chế giải quyết tranh chấp

- ❖ Ưu tiên giải quyết tranh chấp chứ không đưa ra phán quyết
- ❖ Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp: công bằng, nhanh chóng, hiệu quả và giải pháp được các bên chấp nhận
- ❖ Việc giải quyết một tranh chấp được tiến hành như thế nào?



60 ngày

Trong kỳ họp thứ hai của DSB

0-20 days

0-20 ngày (thêm 10 ngày nếu Tổng Giám đốc được yêu cầu chọn BHT)

6 tháng kể từ khi thành lập Ban Hội thẩm, 3 tháng trong trường hợp khẩn cấp

9 tháng từ khi thành lập BHT

60 ngày dành cho báo cáo của BHT, trừ khi có kháng nghị

Thời hạn hợp lý do các thành viên đề xuất, hoặc các bên tranh chấp thỏa thuận hoặc trọng tài phán quyết (khoảng 15 tháng nếu trọng tài phán quyết))

30 ngày sau khi "thời hạn hợp lý kết thúc"

Tham vấn
(Điều 4)

Thành lập Ban Hội thẩm
(Do Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB)) (Điều 6)

Điều khoản hoạt động (Điều 7)
Thành phần (Điều 8)

Ban Hội thẩm xem xét
Họp với các bên (điều 12) và bên thứ 3 có liên quan (điều 10)

Giai đoạn rà soát giữa kỳ
Phản báo cáo mô tả được gửi cho các bên để đánh giá (Điều 15.1). Báo cáo giữa kỳ được gửi cho tất cả các bên xem xét (Điều 15.2)

Báo cáo của Ban Hội thẩm
gửi cho tất cả các bên (điều 12.8; Phụ lục 3 đoạn 12 (j))

Báo cáo của Ban Hội thẩm
lên DSB (Đ.21.9; Phụ lục 3, đoạn 12 (k))

DSB chấp nhận báo cáo của Ban Hội thẩm bao gồm bất cứ thay đổi báo cáo của Ban Hội thẩm nào do UBKN thực hiện (Đ.16.1, 16.4 và 17.14)

Thực thi
Báo cáo của bên thua kiện về dự kiến thực thi với "một thời hạn hợp lý"

Trong trường hợp không thực thi
các bên đàm phán việc đền bù vì ngừng thực thi đầy đủ (Đ.22.2)

Biện pháp Trả đũa
Nếu không nhất trí được về việc bồi thường, DSB cho phép trả đũa việc không thực thi đầy đủ (Đ.22)

Trả đũa chéo:
Trong cùng ngành hàng, các ngành hàng khác, hiệp định khác (Đ.22.3)

During all stages
good offices, conciliation, or mediation (Art. 5)

→ Nhóm chuyên gia thực hiện rà soát (Điều 13; Phụ lục 4)

→ Rà soát của Ủy Ban kháng nghị (Đ.15.2)

→ **Appellate review**
(Art. 16.4 and 17)
30 ngày dành cho Ủy Ban Kháng nghị rà soát

→ **Tranh chấp về việc thực thi:**
Có thể kiện, bao gồm cả tham khảo với Ban Hội thẩm đầu tiên về việc thực thi (Đ.21.5)

→ Có thể đưa ra trọng tài về mức độ đình chỉ và các nguyên tắc trả đũa (Đ.22.6 và 22.7)

NOTE: a panel can be 'composed' (i.e. panellists chosen) up to about 30 days after its 'establishment' (i.e. after DSB's decision to have a panel)

Tối đa 90 ngày

Tổng thời gian giải quyết: thường không quá 9 tháng nếu không có kháng cáo hoặc 12 tháng nếu có kháng cáo, tính từ khi thành lập Bồi thẩm đoàn

90 ngày



Rà soát chính sách thương mại

- ❁ Mục tiêu của công việc này là nhằm đảm bảo các thành viên tuân thủ đầy đủ các quy định, luật lệ và các cam kết của các hiệp định thương mại đa phương, tạo được sự minh bạch hơn nữa trong các chính sách và hành vi thương mại của các nước thành viên
- ❁ Việc rà soát chính sách thương mại được tiến hành định kỳ Bốn nền kinh tế hàng đầu thế giới là Hoa Kỳ, Nhật, EU và Canada phải tiến hành rà soát 2 năm một lần, 16 nước tiếp theo đó sẽ tiến hành rà soát 4 năm 1 lần, các nước còn lại rà soát 6 năm một lần, trừ các nước chậm phát triển nhất được chậm rà soát hơn nữa



Rà soát chính sách thương mại

- ❖ Đối tượng của các cuộc rà soát là chính sách và hành vi thương mại của các nước thành viên. TPRB sẽ tiến hành việc rà soát dựa trên 2 tài liệu cơ bản sau đây:
 - ❑ Báo cáo chính thức của nước được rà soát;
 - ❑ Báo cáo do Ban Thư ký soạn thảo dựa trên những thông tin có được và những thông tin do các thành viên có liên quan cung cấp.



Rà soát chính sách thương mại

- ❁ Hai báo cáo này, cùng với biên bản các cuộc họp rà soát sẽ được đưa ra nhanh chóng sau cuộc rà soát. Những báo cáo này sẽ được trình lên Hội nghị Bộ trưởng. Cơ quan TPRB sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của Cơ chế Rà soát Chính sách Thương mại trong vòng 5 năm sau khi Hiệp định thành lập WTO có hiệu lực, hoặc vào những thời điểm khác nếu Hội nghị Bộ trưởng yêu cầu
- ❁ Hàng năm, TPRB cho ra một Báo cáo tổng quát về những tiến triển trong môi trường thương mại quốc tế. Báo cáo này đi kèm với báo cáo hàng năm của Tổng Giám đốc trình bày những hoạt động chính của WTO và nêu bật những vấn đề chính sách lớn có ảnh hưởng đến hệ thống thương mại.



WTO

- ❖ Câu hỏi?
- ❖ Bình luận?
- ❖ Kiến nghị?